

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố
đoạn qua xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Luật số 11/2022/QH15, 16/2023/QH15, 18/2023/QH15, 47/2024/QH15, 54/2024/QH15 và 146/2025/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 57/2024/QH15, 90/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 220/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 02/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả, phòng, chống thiên tai và đảm bảo an ninh, quốc phòng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 41/2026/TT-BXD ngày 29/6/2026 quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh quy định một số nội dung về công tác thẩm định và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6704/SNNMT-QLXD ngày 18/8/2026, kết quả thẩm định hạng mục công trình giao thông, công trình Hạ tầng kỹ thuật của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4704/SXD-HĐXD6 ngày 04/8/2026, kết quả thẩm định hạng mục cấp điện của Sở Công Thương tại Văn bản số 2159/SCT-QLNL ngày 04/8/2026 (trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số 991/BGTĐT-QLDA3 ngày 28/7/2026 và Văn bản số 1050/BGTĐT-QLDA3 ngày 05/8/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Loại, nhóm dự án; loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư công; Nhóm C;

- Loại, cấp công trình chính của dự án: Công trình Nông nghiệp và Môi trường (công trình bảo vệ bờ), cấp IV.

- Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 25 năm.

3. Mã định danh: 4226517268201

4. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng Dự án: xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh;

- Vị trí xây dựng công trình thẩm định: Đoạn 1 tại thôn 1, 2, 3 xã Hương Sơn; Đoạn 2 tại thôn Kim Sơn, Trà Sơn, xã Hương Sơn; Đoạn 3 tại thôn Bãi Trạm, xã Tứ Mỹ.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: khoảng 8,226 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Hà Tĩnh; mã số doanh nghiệp: 2803000169.

8. Mục tiêu dự án: Kịp thời khắc phục tình trạng sạt, lở bờ sông nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của hơn 3.750 hộ gia đình, cá nhân sinh sống xung quanh khu vực, dọc hai bên bờ sông Ngàn Phố (thuộc địa bàn hai xã Hương Sơn và Tứ Mỹ) và trên 1.143ha đất tự nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng khu vực Dự án; chủ động phòng, chống bão, lũ, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chỉnh trang cơ sở hạ tầng, cải thiện cảnh quan môi trường, sinh thái xung quanh khu vực ven sông, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

9. Quy mô đầu tư:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông và đường quản lý, bảo vệ kè, kết hợp phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi mùa mưa, lũ đến, tổng chiều dài tuyến kè $L=2.054,5\text{m}$ trên địa bàn xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ; bao gồm 3 đoạn tuyến:

- Đoạn 1: Tại bờ hữu sông Ngàn Phố - thuộc thôn 1, 2, 3 xã Hương Sơn, có chiều dài $L_1 = 1.097,2\text{m}$, điểm đầu tại trạm bơm Ghènh, điểm cuối tại nút giao giữa đường Đình Nho Hoàn và đường Nguyễn Tuấn Thiện xã Hương Sơn.

- Đoạn 2: Tại bờ tả sông Ngàn Phố thuộc thôn Kim Sơn, Trà Sơn, xã Hương Sơn, có chiều dài khoảng $L_2 = 687\text{m}$, điểm đầu nối tiếp vào tuyến kè Sơn Ninh đã có theo hiện trạng và điểm cuối tại vị trí mố cầu treo Sơn Ninh.

- Đoạn 3: Tại bờ hữu sông Ngàn Phố thuộc thôn Bãi Trạm, xã Tứ Mỹ, có chiều dài $L_3 = 270,30\text{m}$, điểm đầu tại mố cầu treo Nằm, điểm cuối tại bờ trái lạch tiêu nước từ QL8A (giáp chân núi Sinh Cờ).

9.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của Dự án

9.2.1. Hạng mục Nông nghiệp và Môi trường (công trình bảo vệ bờ):

- Định kè đoạn 1: Cao trình đỉnh kè biến đổi từ $(+10,52\text{m}) \div (+11,76\text{m})$ theo mặt đất tự nhiên phù hợp với địa hình tuyến đường giao thông đỉnh kè đoạn

gia cố; phần kết cấu mặt đỉnh kè và nền đất đắp là đường giao thông (thuộc hạng mục công trình giao thông), có bề rộng $B_{\text{nền}} = 7,70\text{m}$; khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép và tường đứng trọng lực M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm (30x40)cm, cứ 11,8m bố trí 01 khe lún 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường phía dưới dầm lót bạt xác rắn.

- Đỉnh kè đoạn 2: Cao trình đỉnh kè (+7,30m) theo mặt đất tự nhiên phù hợp với địa hình mặt đường giao thông đoạn gia cố; phần kết cấu mặt đỉnh kè và nền đất đắp là đường giao thông (thuộc hạng mục công trình giao thông), có bề rộng $B_{\text{nền}} = 6,70\text{m}$; khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép và tường đứng trọng lực M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm (30x40)cm, cứ 11,8m bố trí 01 khe lún 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường phía dưới dầm lót bạt xác rắn.

- Đỉnh kè đoạn 3: Cao trình đỉnh kè biến đổi (+6,0m) ÷ (+7,50) theo mặt đất tự nhiên phù hợp với địa hình hiện trạng đoạn gia cố. Mặt đỉnh kè kết hợp làm đường quản lý kè (mặt đỉnh kè có bề rộng $B = 2,0\text{m}$) khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm (30x40)cm, cứ 11,8m bố trí 01 khe lún 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường phía dưới có lót bạt xác rắn.

- Thân kè đoạn 1: Thân kè kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng; trong đó, phần kè mái nghiêng từ cao trình đáy tường đứng đến đỉnh chân kè (cao trình +4,0m), hệ số mái $m = 2,0$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dầm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật cường độ chịu kéo 15Kn/m, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm; tuyến kè có chiều cao kè $> 5,0\text{m}$ bố trí cơ kè tại cao trình (+7,50m), bề rộng cơ kè $B = 2,50\text{m}$, kết cấu cơ kè bê tông M200 đá (1x2)cm dày 20cm; phần kè tường đứng từ cao trình đỉnh kè (+11,57m) xuống cao trình đỉnh dầm khóa kè (cao trình biến đổi từ (+9,02m) đến (+10,26m)), hình thức tường trọng lực mặt cắt hình thang, kết cấu bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, có bố trí tầng lọc ngược dọc theo chiều dài tường và lỗ thoát nước, theo chiều dài cứ 11,80m bố trí khe lún ngăn cách 02 lớp giấy dầu nhựa đường.

- Thân kè đoạn 2: Thân kè kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng; trong đó, phần kè mái nghiêng từ cao trình đáy tường đứng xuống đỉnh chân kè cao trình (+2,10m), hệ số mái $m = 2,0$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dầm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật cường độ chịu kéo 15Kn/m, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm; phần tường đứng từ cao trình (+7,30m) xuống cao trình (+6,70m) hình thức tường trọng lực mặt cắt hình thang, kết cấu bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, theo chiều dài cứ 11,80m bố trí khe lún ngăn cách 02 lớp giấy dầu nhựa đường.

- Thân kè đoạn 3: Kè mái nghiêng, hệ số mái $m = 2,0$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dầm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm chân (bxh)=(30x60)cm, dầm ngang giữa mái kè có kích thước (bxh) = (30x40)cm.

Đất đắp thân kè các đoạn có hệ số đầm chặt $K > 0,95$; đất đắp ngoài tận dụng từ đào móng thân, mái kè, còn sử dụng thêm đất bồi khai thác từ khu vực

Rú Chài, xã Hương Sơn; thuộc 01 trong 03 vị trí khoáng sản được khoanh định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1818/QĐ- UBND ngày 16/7/2026, cự ly vận chuyển đến tuyến kè đoạn 1 là 8,5km; đoạn 2 là 0,7km và đoạn 3 là 1,0km.

- Chân kè: Đoạn 1 đặt ở cao trình chân kè (+4,0m); đoạn 2 và 3 chân kè đặt ở cao (+2,10m); kết cấu dầm khóa chân kè bằng bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước (30x60)cm; phía ngoài dầm khóa chân kè được gia cố bằng rọ đá mạ kẽm bọc PVC băng rộng 4,0m; những đoạn xói sâu gia cố hộ chân kè bằng đá hộc thả rời, phía trên là rọ đá mạ kẽm bọc PVC, kích thước rọ (2x1x0,5)m.

- Công trình trên tuyến:

+ Xây mới các bến rửa lên xuống phục vụ nhu cầu dân sinh gồm: Đoạn 1 (12 bến, trong đó 11 bến xây mới và 01 bến sửa chữa, nâng cấp); đoạn 2 (xây mới 5 bến) và đoạn 3 (xây mới 02 bến); kết cấu bến và các bậc bằng bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, mặt bậc (đoạn 1 và 2) lát đá xanh đen granite tự nhiên.

+ Lan can an toàn: Tuyến kè đoạn 1 và 2 được lắp đặt hệ thống lan can dọc theo chiều dài tuyến kè và đường giao thông trên đỉnh kè, kết cấu tấm bản chống và song chắn lan can bằng vật liệu Inox sus 304; lan can được liên kết với tường đỉnh kè bằng bu lông D16 bằng vật liệu Inox sus 304.

+ Công trình tiêu, thoát nước: (i) Đoạn 2: Xây dựng 03 công tiêu nước; công tại K0+366; K0+476, hình thức công hộp bố trí tiêu năng đáy, kích thước thông thủy (bxb) = (4x2,82)m; kết cấu công bằng bê tông và bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm; công tại K0+425, hình thức công tròn chịu lực tải trọng HL93, đường kính D=1,0m, loại ống bê tông cốt thép thoát nước TCVN 9113:2012; móng công bằng bê tông M200 đá (1x2)cm; (ii) đoạn 3: Làm mới 01 công tiêu thoát nước, hình thức công hộp, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm. Đường thi công đầu nối với đường đỉnh kè tại K0+200, tuyến dài 72,70m; bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=3,50\text{m}$, bề rộng lề $B_{\text{lề}}=(0,75 \times 2)=1,5\text{m}$, bề rộng nền $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$, độ dốc ngang mặt đường: $i=2\%$. Kết cấu mặt đường bằng lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 20cm.

- Cột thủy chí và các nội dung khác theo hồ sơ thiết kế đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định.

9.2.2. Hạng mục giao thông:

Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trên kè với tổng chiều dài khoảng 1.724,39m, gồm: Tuyến 1 dài 971,1m, điểm đầu tại cầu tràn Sơn Giang, điểm cuối tại nút giao với đường Nguyễn Tuấn Thiện; tuyến 2 dài 653,29m, điểm đầu nối tiếp đường đỉnh kè Sơn Ninh, điểm cuối tại nút giao với đường ven sông thuộc xã Hương Sơn; các tuyến đường đầu nối với tuyến 2 tại Km0+183 và Km0+445 kết hợp phục vụ công tác quản lý, có tổng chiều dài khoảng 100m.

a) Phương án tuyến:

- Bình đồ: Bám theo đường cũ hiện có, cải thiện cục bộ một số vị trí trên tuyến đảm bảo phù hợp với tuyến kẻ thiết kế và điều kiện địa hình, địa vật thực tế, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng.

- Trắc dọc: Trên cơ sở tuyến đường hiện hữu, khống chế cao độ phù hợp với quy hoạch, điều kiện địa hình, địa vật thực tế, tận dụng tối đa nền, mặt đường cũ, đảm bảo kết nối giao thông an toàn, thuận tiện.

- Phạm vi các tuyến đường gồm các đoạn tuyến, cụ thể:

+ Tuyến 1: Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$, bề rộng lề $B_{\text{lề}} = (2,0+0,7)\text{m}$; lề trái có chiều rộng $B_{\text{lề trái}} = 2\text{m}$, được lát bằng gạch Terrazzo dày 4cm; trên lớp bê tông móng M150; vỉa lót M75; lề phải có chiều rộng $B_{\text{lề phải}} = 0,7\text{m}$, bố trí rãnh thoát nước dọc có khẩu độ $B=0,4\text{m}$.

+ Tuyến 2: Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$, bề rộng lề trái $B_{\text{lề trái}} = 1,7\text{m}$, bố trí mương thoát nước dọc tuyến $B=0,4\text{m}$ và lề đất không gia cố.

+ Các tuyến đường đầu nối với tuyến 2 tại Km0+183 và Km0+445, kết hợp phục vụ công tác quản lý, vận hành: Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$, bề rộng lề đường $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$, bề rộng nền $B_{\text{nền}} = 6,0\text{m}$.

b) Nền đường: đắp đất đôi đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,98$ ($\text{CBR} \geq 6$) dày 30cm trên lớp đất $K \geq 0,95$ ($\text{CBR} \geq 4$), trước khi đắp đào bóc lớp hữu cơ với chiều dày trung bình 20cm.

c) Kết cấu mặt đường gồm các lớp tính từ trên xuống:

Tuyến 1 gồm các lớp tính từ trên xuống như sau:

+ Kết cấu mặt đường làm mới: Mặt đường bê tông nhựa C16 dày 7cm; tưới thấm bảm TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 25cm.

+ Đối với mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ: Mặt đường bê tông nhựa C16 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I khi $H_{bv} \leq 12\text{cm}$, bằng cấp phối đá dăm loại II khi $H_{bv} > 12\text{cm}$.

Tuyến 2, các tuyến đường đầu nối với tuyến 2 tại Km0+183 và Km0+445, kết hợp phục vụ công tác quản lý, vận hành: Bê tông M250, dày 18cm; 01 lớp bạt xác rắn lót; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 15cm.

d) Hệ thống thoát nước của đường:

- Đối với hệ thống thoát nước dọc

+ Tuyến 1: Bố trí rãnh thoát nước dọc hai bên tuyến với khẩu độ $B=0,4\text{m}$; kết cấu thân rãnh, tấm nắp rãnh bằng BTCT M250.

+ Tuyến 2: Bố trí rãnh thoát nước dọc bên trái tuyến với khẩu độ $B=0,4\text{m}$; kết cấu thân rãnh, tấm nắp rãnh bằng BTCT M250.

- Đối với hệ thống thoát nước ngang: Trên tuyến bố trí 16 cống hộp các loại; gồm 10 cống hộp kích thước $B \times H = 0,6 \times 0,6\text{m}$, 06 cống hộp $B \times H = 1,0 \times 0,83\text{m}$, tải trọng thiết kế H30-XB80; kết cấu cống bằng BTCT M250.

e) Nút giao, đường giao: thiết kế vuốt nối vào tuyến chính đảm bảo điều kiện xe chạy an toàn, êm thuận, dễ nhận biết, kết cấu mặt tương tự tuyến chính.

g) Hệ thống an toàn giao thông: bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.2.3. Hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

Đầu tư xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng trục đường Đinh Nho Hoàn, đầu tuyến bắt đầu từ trạm bơm Ghềnh đến cuối tuyến giao với đường Nguyễn Tuấn Thiện với chiều dài tuyến khoảng $L=1095\text{m}$, tuyến đường cáp ngầm loại Cu/XLPE/DSTA/PVC-0,6/1kV có tiết diện $4 \times 16\text{mm}^2$. Cột đèn cao 6m, cần đèn cao 2m vươn xa 1,5m, được lắp dựng trên móng bê tông đúc sẵn. Bóng đèn có công suất 100W độ rọi 120Lm/W. Lắp đặt 01 tủ điện điều khiển hệ thống chiếu sáng có công suất 50A vỏ tủ bằng inox 304.

9.2.4. Hạng mục công nghiệp (công trình năng lượng):

Cải tạo, hoàn trả hệ thống 17 tủ công tơ và tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV có tổng chiều dài khoảng 2,23km, (loại $2 \times 10\text{mm}^2$, $4 \times 50\text{mm}^2$, $4 \times 70\text{mm}^2$, $4 \times 95\text{mm}^2$, $4 \times 120\text{mm}^2$, $4 \times 150\text{mm}^2$, $4 \times 185\text{mm}^2$, $4 \times 240\text{mm}^2$, $4 \times 300\text{mm}^2$). Khối lượng thu hồi bao gồm toàn bộ tuyến đường dây nổi 0,4kV cũ bị ảnh hưởng bởi thi công kè. Thiết kế cáp ngầm luồn trong ống nhựa HDPE/ống thép mạ kẽm qua đường và chôn ngầm dưới đất tự nhiên (độ sâu $\geq 0,8\text{m}$), lót cát mịn, phủ gạch bảo vệ và dải băng cảnh báo; vật liệu cáp ngầm Xlpe/Pvc/Dsta/Pvc, trang bị Aptomat chống dòng rò tại tủ phân phối hạ thế, hệ thống tiếp địa tủ điện và tiếp địa lắp lại đảm bảo trị số điện trở theo quy định

10. Số bước thiết kế, danh mục Quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn được lựa chọn:

a) Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 04-05:2022/TT-BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai – Phần 1: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ; QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

b) Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát địa hình: TCVN 14595-1:2025 Công trình đề điều – Phần 1: Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình; TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án; TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng và cao độ địa hình; TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5.000.

- Tiêu chuẩn khảo sát địa chất: TCVN 14595-2:2025 Công trình đề điều – Phần 2: Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất; TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế; TCVN 9153:2012 Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất; TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn.

- Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật; TCVN 8419:2022 Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế; TCVN 9902: 2025 Công trình thủy lợi - yêu cầu thiết kế đê sông; TCVN 8305:2009 Công trình thủy lợi - kênh đất - yêu cầu kỹ thuật trong thi công và nghiệm thu; TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu; TCVN 8422:2010 Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công; TCVN 4116:2021 Kết cấu bê tông thủy công toàn khối - Yêu cầu thiết kế; TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu; TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi; TCVN 10335:2014 Thiết kế rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lọc giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy; TCVN 8871-1÷6:2011 Vải địa kỹ thuật - Phần 1÷6 Phương pháp thử; TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn; TCVN 4054:2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô; TCVN 10380-2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế; TCVN 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu, chỉ dẫn thiết kế; TCVN 13608:2023 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và Hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế; các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, an toàn xây dựng, an toàn điện và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí BT, GPMB (tạm tính):	5.177.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	96.576.743.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.956.235.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.733.176.000 đồng
- Chi phí khác:	2.049.802.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	7.507.044.000 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo địa bàn và phạm vi quản lý, UBND xã Hương Sơn, UBND xã Tứ Mỹ chủ trì, phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh (Chủ đầu tư), Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì thẩm định), Sở Xây dựng, Sở Công Thương (các cơ quan phối hợp thẩm định) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với nội dung

trình, thẩm định và kiến nghị, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh có trách nhiệm: xây dựng đường găng tiến độ chi tiết để quản lý, tổ chức thực hiện Dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ được giao và các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 6704/SNNMT-QLXD ngày 18/8/2026, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4704/SXD-HĐXD6 ngày 04/8/2026, Sở Công Thương tại Văn bản số 2159/SCT-QLNL ngày 04/8/2026; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giá gói thầu và hợp đồng xây dựng theo đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước; chủ động phối hợp với UBND các xã: Hương Sơn, Tứ Mỹ và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

2. UBND xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ: Phối hợp Chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ của Dự án; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu triển khai chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án.

3. Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện Dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, bảo đảm Dự án được triển khai đúng quy định pháp luật và hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh (Chủ đầu tư); Chủ tịch UBND xã Hương Sơn và xã Tứ Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HT&ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành